

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 15-05-2017

STT	MBAY No	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			giờ bay	người	hàng	giờ bay	người	hàng	
1	610	TD2	7.25	21	0	19	0		
2	410	TD1+TTC1+TD5	7.25	24+4+0	0+0+0	15+0+3	0+0+0		
3	420	RP3+P4	7.25	27+0	0+0	19+3	0+0	CHUYEN 2 PAX TU RP3 SANG P4	
4	426	RP3+RP2	7.25	14+12	0+0	7+15	0+0		
5	424	RP1+RC6+RP3	7.25	19+5+2	0+0+0	5+5+12	0+0+0		
6	410	TD3+RP1	9.25	17+10	0+0	3+19	0+0		
7	420	RCDM+RC4+P3	9.25	17+5+2	0+0+0	5+7+0	0+0+0		
8	426	JS2+RP2	9.25	8+18	0+0	0+22	0+0		
9	424	RC5+RC3+TD1	9.25	16+9+1	0+0+0	9+7+4	0+0+0		
10									
11									
12									
13									
14									
15									
16									
17									
18									

Chuyên viên TPBDSX _____



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15-May-17	TO: TD2	AIRCRAFT: 610	ETD: 07:27
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: Bội - TRUNG	ETA: 10:30
XANH--1A			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BAGRAMOV A.G	TD2	01	1	5		87	KH-THAC	Russian
2	PHAN VIET TUNG	TD2	07	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
3	LE ANH TUAN	TD2	13-14	2	7		53	KH-THAC	Vietnamese
4	HO DINH HUY	TD2	12	1	7		55	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN MINH TAM	TD2	11	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN NAM SINH	TD2	04	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
7	VU HUNG TUAN	TD2	08	1	5	50	70	KH-THAC	Vietnamese
8	LE HONG QUANG	TD2	09	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
9	DUONG VAN THONG	TD2	05	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN VAN SON	TD2	10	1	8		61	KH-THAC	Vietnamese
11	DO VAN CUONG	TD2	02	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
12	NG. THANH HAI	TD2	20	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN THIEN TOAN	TD2	18	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
14	NG. ANH TUAN *	TD2	19	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG SY NGOC *BD* 15	TD2	03	1	9		63	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VAN NAM	TD2	06	1	15		72	DIA VLY	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	16	17	102	1.099	50	19		
	TOTAL	16	17	102	1.099	50	19		
	WEIGHT KG			102	1.099	50			

GRAND TOAL: 1.251 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/05/2017	TO: TD1 - TTC1 - TD5	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: Phong - TUYỀN - Đ.Tùng - Năm	ETA: 09:10
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TA XUÂN TRƯỜNG-CT	TD1				120	80	KHOAN	Vietnamese
2	TÔ ĐÌNH TUYNH*TT	TD1	40	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
3	ĐAO THÈ VŨ	TD1	37	1	7		76	KHOAN	Vietnamese
4	TRỊNH HOANG KHANH	TD1	39	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
5	VŨ VĂN QUY	TD1	47	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
6	ĐOÀN LÊ THUY DUONG	TD1					56	DIEUHANH	Vietnamese
7	NGUYEN THI CAM THO	TD1					61	DIEUHANH	Vietnamese
8	LƯU ĐÌNH ĐẠO	TD1	44	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
9	TRỊNH DUY TOAN	TD1	42	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
10	PHAM HUY DINH	TD1	58-59	2	15		58	THONG TIN	Vietnamese
11	NGUYEN VAN GIANG	TD1	43	1	3		66	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN VĂN PHONG	TD1	45	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ ĐÌNH ĐOÀN	TD1	46	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ VIỆT THANH	TD1	41	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN BA HUYNH	TD1	38	1	8		68	DIA VLY	Vietnamese
16	LƯƠNG THÈ HIÊN	TD1	48-49	2	17		64	NIPI	Vietnamese
17	LÊ ĐỨC NAM	TD1	50	1	14		64	TH TIN	Vietnamese
18	VŨ TRUNG KIEN *CTOI	TTC1	01	1	13		72	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN ĐỨC SƠN	TTC1	03	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese
20	NG. THANH TRUNG	TTC1	02	1	10		69	KH-THAC	Vietnamese
21	NG. HỮU NAM * 4	TTC1	04	1	5		51	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	17	16	103	1.148	120	16		
2	TTC1	4	4	38	266	0	0		
3	TD5	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		21	20	141	1.414	120	19		
WEIGHT KG				141	1.414	120			

GRAND TOAL: 1.675 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15-May-17	TO: RP3 - P4	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 12	FROM: VT	CREW: Hạnh - TTrung - MQUÂN	ETA: 09:15
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	GALLIAMOV I.A	RP3	65	1	5		90	KH-THAC	Russian
2	PHAN VAN LY	RP3	60	1	9		80	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VAN CONG	RP3	55	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
4	HOANG VAN HOA	RP3	56	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	VU VAN TOAN	RP3	64	1	5		60	DIEUHANH	Vietnamese
6	HO NGOC HUNG	RP3	67	1	5		75	DIEUHANH	Vietnamese
7	PHAN VAN THINH	RP3	66	1	1		67	DIEUHANH	Vietnamese
8	NGUYEN VAN DUNG	RP3	68	1	5		65	DIEUHANH	Vietnamese
9	TANG VAN THANG	RP3	69	1	3		70	DIEUHANH	Vietnamese
10	PHAM KHAC DOAN	RP3				55	67	KH-THAC	Vietnamese
11	NG. THANH DUONG* TT	RP3	50	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
12	NG. THANH TRUNG *CD	RP3	62	1	12		72	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN VAN SON	RP3	63	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
14	TRUONG VAN THUONG	RP3					60	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM QUANG TRUNG	RP3					70	KH-THAC	Vietnamese
16	LE SY VANG	RP3	54	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG XUAN HUNG	RP3					65	KH-THAC	Vietnamese
18	DUONG VAN CUONG	RP3	53	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
19	LE TRONG LINH	RP3	52	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAM VAN ANH *CD	RP3	51	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN DINH HO	RP3	57	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN VAN TIEN	RP3	58,61	2	10		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	22	19	99	1.513	55	19	2	CHUYEN 2 PAX TU RP3 SANG P4
2	P4	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		22	19	99	1.513	55	22		
WEIGHT KG				99	1.513	55			

GRAND TOAL: 1.667 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/05/2017	TO: RP1 - RC6 - RP3	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:50
FLIGHT: 14	FROM: VT	CREW: Cương - MTHẮNG - CƯỜNG - DSON	ETA: 09:30
TRANG-1A			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BAMBUROV E.N	RP1	500	1	12		95	KH-THAC	Russian
2	MAMEDOV E.G	RP1	36	1	7	40	80	KH-THAC	Russian
3	MINGAZOV N.M *24	RP1	98	1	7		84	KH-THAC	Russian
4	TRẦN QUANG TUNG	RP1					72	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VIỆT THANH	RP1					74	KH-THAC	Vietnamese
6	HA DUY ĐÔNG	RP1	99	1	9		84	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN MINH HIỆU	RP1	39-40	2	8		60	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM VĂN CÁT	RP1	18	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN TÂM	RP1	16	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN CÔNG TOÀN	RP1	17	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM NGỌC PHÔNG	RP1	3000	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ ĐÌNH HOÀN	RP1	37-38	2	10		75	KH-THAC	Vietnamese
13	TAO QUANG NGÂN	RP1					62	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ HÙNG CƯỜNG * TT	RP1					75	KH-THAC	Vietnamese
15	TUÔNG ANH CẠC	RP1					70	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN MINH THỊ	RC6	57	1	3		100	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN NGỌC TÂN	RC6	53	1	6	35	70	KH-THAC	Vietnamese
18	DIỆP XUÂN TIẾN	RC6	54	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
19	CHU TIẾN BÌNH * 4	RC6	56	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
20	KHIÊU MINH QUYẾT	RC6	55	1	6		65	D-SONG	Vietnamese
21	LÊ VIỆT TRƯỜNG *TC * 28	RP3	07	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
22	TẠ PHI KHÁNH	RP3					70	XN KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	15	12	69	1.116	40	5		
2	RC6	5	5	25	372	35	5		
3	RP3	2	1	8	135	0	12		
TOTAL		22	18	102	1.623	75	22		
WEIGHT KG				102	1.623	75			

GRAND TOTAL: 1.800 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/05/2017	TO: RP3 - RP2	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT: 13	FROM: VT	CREW: Bình - Vận - HIẾU	ETA: 09:20
NAU-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NG TÚ THẮNG * CD	RP3	52	1	7		53	KH-THAC	Vietnamese
2	LUƠNG QUANG THƯƠNG * CD	RP3	53	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
3	NG. DOAN THANH *CD	RP3	58	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
4	HOANG VAN HIEN *CD	RP3	55	1	4		57	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ NGỌC ANH	RP3	54	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
6	NG. TRỌNG VŨ	RP3					76	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ ĐỨC HUY	RP3	200	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẶNG THỌ TAM *TT	RP3	57	1	8		66	KH-THAC	Vietnamese
9	TRƯƠNG THÈ DUNG	RP3	99	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
10	TÔ QUANG ANH *CD*	RP3	56	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
11	BERLIKOV E.G	RP2	89	1	15		86	KHOAN	Russian
12	PHẠM VĂN BAN	RP2	92	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG ĐÌNH YẾN *CD	RP2	94	1	5		48	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ HỒNG DAN	RP2	500,53	2	10	80	75	YTE	Vietnamese
15	NGUYEN QUỐC VINH	RP2	99	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN TIEN DAT	RP2	93	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
17	TANG VĂN ĐỨC	RP2	95	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VIET NHƯỞNG	RP2	97	1	4		57	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM HỮU QUANG	RP2	98	1	12		65	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐINH VĂN QUÂN	RP2	96	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
21	GARIBEKOV CATSUM	RP2	90	1	5		107	KH-THAC	Russian
22	TRẦN THIỆN THANH	RP2	91	1	8		88	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	10	9	45	668	0	7		
2	RP2	12	13	80	842	80	15		
TOTAL		22	22	125	1.510	80	22		
WEIGHT KG				125	1.510	80			

GRAND TOAL: 1.715 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15-May-17	TO: TD3 - RP1	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:30
FLIGHT: 15	FROM: VT	CREW: Phong - TUYỀN - Trường - Năm	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TUỜNG LONG-CT	TD3	83	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
2	KRAINOV I.S	TD3	77	1	8		90	KHOAN	Russian
3	ALEKHIN	TD3	78	1	5		92	KHOAN	Russian
4	DUƠNG THANH TUNG	TD3	76	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
5	ĐÌNH QUANG CHIÊN-CT	TD3	81	1	12	30	74	KHOAN	Vietnamese
6	LE XUAN THỊNH-CT	TD3	80	1	7	30	78	KHOAN	Vietnamese
7	LAI CAO THANH-CT	TD3	79	1	10		62	KHOAN	Vietnamese
8	LƯƠNG MINH SƠN-CT	TD3	82	1	14		90	KHOAN	Vietnamese
9	ĐO VĂN QUANG-CT	TD3	73	1	8		78	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN MINH TIẾN-CT	TD3	75	1	12		90	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN THUẬN-CT	TD3	74	1	7		67	KHOAN	Vietnamese
12	ĐẶNG MINH SƠN-BJ-PVD	TD3	86	1	5		60	HDONG	Vietnamese
13	NGUYỄN QUANG LỘC	RP1	22	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
14	HOÀNG ĐÌNH BA	RP1	21	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN MẬU ĐỨC	RP1	23-24	2	12		55	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN NAM TRUNG	RP1	17	1	5	45	60	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM VĂN THUY	RP1	18	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
18	HOÀNG THẾ ANH	RP1	20	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
19	NG TRƯỜNG GIANG	RP1	25	1	5		88	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN THẾ VŨ	RP1	19	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
21	LE MẠNH HÙNG *	RP1	26	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN ANH VIỆT	RP1	27-28	2	10		70	TH TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	12	12	98	925	60	3		
2	RP1	10	12	60	692	45	19		
TOTAL		22	24	158	1.617	105	22		
WEIGHT KG				158	1.617	105			

GRAND TOTAL: 1.880 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/05/2017	TO: RCDM - RC4 - P3	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:35
FLIGHT: 16	FROM: VT	CREW: Hạnh - TTrung - MQUÂN	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM XUÂN V. PHÚC *TC	RCDM	01-02	2	14	15	70	KH-THAC	Vietnamese
2	LE ĐỨC THIÊN	RCDM	94-95	2	10		71	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG VAN TUONG	RCDM	88	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐANG MINH DUNG * 4	RCDM	89	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
5	KIRILL SKVORTSOV - VRJ	RCDM	81	1	8		96	XAY LAP	Russian
6	TRẦN ĐẶC BÌNH - BAN NRDM	RCDM	83	1	4		95	XAY LAP	Vietnamese
7	PHAN NGỌC QUYẾT - NIP1	RCDM	84	1	5		72	XAY LAP	Vietnamese
8	NG ĐỨC HẠNH - QLDA	RCDM	04	1	5		65	XAY LAP	Vietnamese
9	TRẦN ĐỨC HÙNG - BKS	RCDM	82	1	5		63	XAY LAP	Vietnamese
10	NG QUANG VINH - XNKT	RCDM	80	1	4		88	XAY LAP	Vietnamese
11	HỒ TRỌNG BẢNG	RCDM	90-91	2	18		74	D-SONG	Vietnamese
12	VÔ THANH HỒNG	RCDM	86	1	6		57	TH TIN	Vietnamese
13	ĐAO NGỌC THAI	RCDM	85	1	6	50	65	TH TIN	Vietnamese
14	NG. TRỌNG MINH	RC4	44	1	6	35	64	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG VAN TUNG	RC4	43	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI VAN NINH	RC4	46	1	2		70	KH-THAC	Vietnamese
17	LE VAN TRUNG * 4	RC4	42	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
18	MAI VAN TUONG	RC4	45	1	3		67	D-SONG	Vietnamese
19	PHẠM VAN LỢI * BD	P3	90	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese
20	KAZIKOV	P3	89	1	10		100	AN TOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RCDM	13	16	91	950	65	5		
2	RC4	5	5	23	356	35	7		
3	P3	2	2	19	165	0	0		
TOTAL		20	23	133	1.471	100	12		
WEIGHT KG				133	1.471	100			

GRAND TOAL: 1.704 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/05/2017	TO: RC5 - RC3 - TD1	AIRCRAFT: 424	ETD: 09:50
FLIGHT: 18	FROM: VT	CREW: Cuong - MTHANG - CUONG - DSON	ETA: 11:30
NAU-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NG. TRỌNG KHANG	RC5	36	1	9	21	62	KH-THAC	Vietnamese
2	KHALIMOV A.A	RC5	33	1	14		86	KH-THAC	Russian
3	HOANG TI	RC5	31	1	9		64	KH-THAC	Vietnamese
4	NGO ĐAC TOAN	RC5	35	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN VAN CUC	RC5	28	1	15		81	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐINH VAN CONG	RC5	38-39	2	11		76	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAM XUAN TRUONG	RC5	34	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
8	LE ĐINH THANG * 8	RC5	32	1	16		65	KH-THAC	Vietnamese
9	VÔ CHI THANH	RC5	40	1	7		74	DIA VLY	Vietnamese
10	TÀ VAN THỊNH	RC5	30	1	8		60	NIPI	Vietnamese
11	PHAM VAN HUAN	RC5	29	1	2		70	D-SONG	Vietnamese
12	NGUYEN CHI KHANH	RC5	37	1	6		65	D-SONG	Vietnamese
13	NG. THANH BINH *DVDA	RC3	92	1	15	95	62	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI VAN TUAN *DVDA	RC3	91	1	6	35	70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN ĐUC HAI	RC3	49-50	2	14		61	KH-THAC	Vietnamese
16	NGO TUAN ANH	RC3	44	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
17	LE CONG AN	RC3	48	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
18	LE VAN VIET	RC3	47	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
19	NG. TAN HONG * 7	RC3	46	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN NAM SON	RC3	89-90	2	14		79	GETRACO	Vietnamese
21	VU THANH TIEN	RC3	45	1	5		54	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC5	12	13	112	833	21	10		
2	RC3	9	11	74	602	130	7		
3	TD1	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		21	24	186	1.435	151	20		
WEIGHT KG				186	1.435	151			

GRAND TOTAL: 1.772 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/05/2017	TO: JS2 - RP2	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:40
FLIGHT: 17	FROM: VT	CREW: Bình - Vận - HIẾU	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI THAI QUY	JS2	67	1	11		69	KHOAN	Vietnamese
2	LE HUYNH TRUNG	JS2	68	1	7		72	KHOAN	Vietnamese
3	WEBB II CHALESE W.	JS2	66	1	5	25	132	KHOAN	American
4	CHATCHAI CHOTNOI	JS2	69-70	2	16		63	KHOAN	Thailand
5	NGUYEN VU QUYEN	RP2	88	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN THAO	RP2	89	1	2		69	KH-THAC	Vietnamese
7	VU ANH TUNG	RP2	90	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN THANH TUAN	RP2	61	1	3		57	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAM QUANG LOI	RP2	60	1	5	12	80	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VIET HUNG	RP2	58	1	13		90	KH-THAC	Vietnamese
11	HO DUC LONG	RP2	59	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
12	NG. HONG QUANG	RP2	87	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN CUONG*TC	RP2	94	1	7		50	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN VAN THANH	RP2	97	1	7		59	KH-THAC	Vietnamese
15	NGO QUANG LUYEN	RP2	92	1	2		57	KH-THAC	Vietnamese
16	DAO VAN TUAN	RP2	93	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐẶNG XUÂN KHOA *	RP2					67	KH-THAC	Vietnamese
18	NG. THANH LUAN * 24	RP2	95-96	2	9		60	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN VAN GIANG	RP2	98	1	9		74	DIA VLY	Vietnamese
20	ĐINH QUỐC TRƯỜNG	RP2	86	1	7		77	GETRACO	Vietnamese
21	HA QUOC VINH	RP2	62	1	2		71	GETRACO	Vietnamese
22	TRAN QUOC DOANH	RP2	91	1	6		74	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	JS2	4	5	39	336	25	0		
2	RP2	18	18	99	1.210	12	22		
TOTAL		22	23	138	1.546	37	22		
WEIGHT KG				138	1.546	37			

GRAND TOAL: 1.721 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN